

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 08/7/2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Nga

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Bà: Hà Thị Tâm

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*

Bà: Nhữ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2022/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Lữ Thị T - sinh năm: 1995

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Bị đơn:* Anh Hoàng Văn H, sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lữ Thị T trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu yêu thương nhau được thời gian ngắn thì chị có thai nên được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/10/2014. Hôn nhân tự nguyện, cuộc sống vợ chồng hòa thuận,

hạnh phúc, đến tháng 4/2015 chị sinh con, được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm thấy tiếng nói chung nên thường xảy ra to tiếng, đến cuối năm 2018 không chịu được chị về nhà bố mẹ để sống ly thân con thì để lại cho anh H và gia đình nuôi dưỡng. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Khánh V, sinh ngày 21/4/2015. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh H và gia đình anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2022 bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Vợ chồng lấy nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 21/10/2014 sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 4/2015 vợ anh sinh con, sau đó phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm không tìm thấy tiếng nói chung nên thường xảy ra to tiếng, đến cuối năm 2018 chị T về nhà bố mẹ để sống ly thân, để lại con cho anh và gia đình nuôi dưỡng. Đầu năm 2022 chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh, sau khi Tòa án thụ lý do dịch bệnh Covid -19 nên anh không thể về giải quyết được, sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa anh mới về được. Nay anh nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Khánh V, sinh ngày 21/4/2015. Nay nếu ly hôn anh đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, đề nghị chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo và triệu tập anh H đến Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng anh H không có mặt, sau khi hoàn tất các thủ tục tố tụng. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên Tòa ngày 22/06/2022 anh vắng mặt không có lý do, ngày 27/6/2022 sau khi nhận được quyết định hoãn phiên Tòa đã đến Tòa án làm bản tự khai và làm đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Chủ tọa phiên tòa cho công bố lý do đương sự đề nghị xử vắng mặt và công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, đề Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lữ Thị T, xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Khánh V, sinh ngày 21/4/2015 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thông báo và triệu tập anh H đến Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng anh H không có mặt, sau khi hoàn tất các thủ tục tố tụng. Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên Tòa ngày 22/06/2022 anh vắng mặt không có lý do, ngày 27/6/2022 sau khi nhận được quyết định hoãn phiên Tòa đã đến Tòa án làm bản tự khai và làm đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ các điều khoản 1 Điều 228, Điều 238 của BLTTDS, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Lữ Thị T và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị Lữ Thị T có đơn đề nghị TAND huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn H.

Xét mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trăm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56-Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Khánh V, sinh ngày 21/4/2015. Nay nếu ly hôn anh H đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, đề nghị chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Xét chị T đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H, việc thỏa thuận của hai bên là phù hợp với pháp luật. Vì vậy giao cháu V cho anh Hoàng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung

mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu 300.000 án phí DSST và 300.000đ về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, 271, 273 khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Khánh V, sinh ngày 21/4/2015 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu Khánh V đủ 18 tuổi. Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lữ Thị T phải nộp 300.000đ án phí DSST và 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tổng cộng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) chị được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0008535 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị T còn phải nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Nga**